

**Deloitte**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI  
VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MSO

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6-7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-35

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Văn Quang	Chủ tịch
Ông Thái Doãn Thuyết	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thế	Ủy viên
Ông Lim Hau Guan	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Đình Thế	Giám đốc
Ông Trần Vũ Phương	Phó Giám đốc
Ông Phạm Chu Tứ	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2014)
Ông Nguyễn Minh Châu	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Yên	Phó Giám đốc
Ông Phạm Tất Thành	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

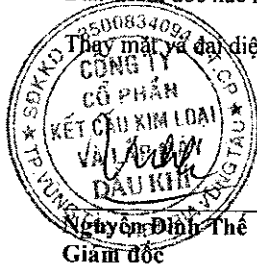
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngày 08 tháng 8 năm 2014

Số: 279 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 8 năm 2014, từ trang 3 đến trang 35. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Nguyên  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 08 tháng 8 năm 2014  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1924-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 01 - DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>661.845.967.133</b>	<b>668.285.439.913</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>144.536.606.917</b>	<b>312.101.990.052</b>
1. Tiền	111		74.036.606.917	119.101.990.052
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.500.000.000	193.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>2.751.994.331</b>	<b>3.175.781.713</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.050.000.000	5.050.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.298.005.669)	(1.874.218.287)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>320.509.742.269</b>	<b>252.058.151.796</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	314.019.556.627	250.354.344.081
2. Trả trước cho người bán	132		7.112.936.173	1.567.197.071
3. Các khoản phải thu khác	135	7	4.199.264.003	4.947.125.178
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.822.014.534)	(4.810.514.534)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>188.749.211.287</b>	<b>98.620.931.942</b>
1. Hàng tồn kho	141		188.800.976.545	98.672.697.200
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(51.765.258)	(51.765.258)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.298.412.329</b>	<b>2.328.584.410</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.473.784.663	911.181.122
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.395.872	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		82.651.000	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	1.735.580.794	1.417.403.288
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+260)</b>	<b>200</b>		<b>885.910.001.785</b>	<b>874.092.518.955</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>741.625.030.176</b>	<b>742.468.272.569</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	671.879.262.981	671.491.902.693
- Nguyên giá	222		839.113.211.748	815.304.758.675
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(167.233.948.767)	(143.812.855.982)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	44.527.881.533	35.545.959.658
- Nguyên giá	225		55.105.781.633	43.551.531.680
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(10.577.900.100)	(8.005.572.022)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	18.698.142.351	19.929.485.404
- Nguyên giá	228		26.529.169.617	25.856.790.262
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.831.027.266)	(5.927.304.858)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	6.519.743.311	15.500.924.814
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>5.446.673.971</b>	-
- Nguyên giá	241		5.934.491.758	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(487.817.787)	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>138.838.297.638</b>	<b>131.624.246.386</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	133.210.440.638	125.996.389.386
2. Tài sản dài hạn khác	268		5.627.857.000	5.627.857.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.547.755.968.918</b>	<b>1.542.377.958.868</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 01 - DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>898.091.087.110</b>	<b>920.486.492.791</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>575.405.926.294</b>	<b>732.771.333.290</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	156.863.201.946	272.826.122.559
2. Phải trả người bán	312		218.206.408.019	124.114.384.075
3. Người mua trả tiền trước	313		1.845.749.116	250.803.628.795
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	32.274.203.612	22.933.181.285
5. Phải trả người lao động	315		93.407.275.228	17.858.047.493
6. Chi phí phải trả	316	18	58.015.479.604	35.857.813.499
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	4.878.651.528	1.250.858.985
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.914.957.241	7.127.296.599
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>322.685.160.816</b>	<b>187.715.159.501</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	311.816.387.327	174.738.724.284
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337		2.801.215.353	2.801.215.353
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	21	8.067.558.136	10.175.219.864
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>649.664.881.808</b>	<b>621.891.466.077</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>649.664.881.808</b>	<b>621.891.466.077</b>
1. Vốn điều lệ	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		63.622.969.940	56.028.359.763
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.804.395.029	14.007.089.941
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		68.237.516.839	51.856.016.373
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.547.755.968.918</b>	<b>1.542.377.958.868</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	30/6/2014	31/12/2013
Ngoại tệ các loại		
- USD	48.837,55	1.114.069,20

*Đào Thị Hải Vân*  
Người lập biểu

Ngày 08 tháng 8 năm 2014

*Nguyễn Đức Đạt*  
Kế toán trưởng

*Nguyễn Đình Thế*  
Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

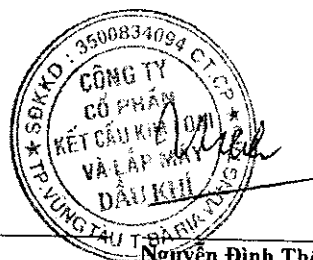
MẪU SỐ B 02 - DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	880.194.430.141	378.427.901.691
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		880.194.430.141	378.427.901.691
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	747.575.714.787	296.155.416.987
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		132.618.715.354	82.272.484.704
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	5.722.125.712	2.869.387.107
6. Chi phí tài chính	22	26	23.504.331.205	37.266.195.569
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.728.961.790	36.871.514.036
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		35.888.527.984	26.526.074.118
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		78.947.981.877	21.349.602.124
9. Thu nhập khác	31	28	2.214.006.126	245.346.294
10. Chi phí khác	32	28	2.416.004.328	531.397.091
11. (Lỗ) khác (40=31-32)	40	28	(201.998.202)	(286.050.797)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		78.745.983.675	21.063.551.327
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	17.396.879.803	5.364.005.448
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		61.349.103.872	15.699.545.879
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.227	417



Đào Thị Hải Vân  
Người lập biểu

  
Nguyễn Đức Đạt  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thế  
Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 03 - DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	78.745.983.675	21.063.551.327
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	28.384.961.058	26.964.119.271
Các khoản dự phòng	03	435.287.382	43.543.620
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(156.116.348)	(43.990.863)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.473.801.263)	(2.361.868.352)
Chi phí lãi vay	06	22.728.961.790	36.871.514.036
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	124.665.276.294	82.536.869.039
Thay đổi các khoản phải thu	09	(68.738.411.720)	(74.103.039.484)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(90.128.279.345)	2.117.195.247
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(46.455.059.855)	21.186.118.204
Thay đổi chi phí trả trước	12	(9.776.654.793)	(5.486.971.860)
Tiền lãi vay đã trả	13	(30.868.676.062)	(54.460.887.374)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(15.119.666.389)	(4.137.554.170)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(136.421.471.870)	(32.348.270.398)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(30.457.144.937)	(13.576.516.865)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.356.823.480	2.514.962.798
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.100.321.457)	(11.061.554.067)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	31.126.600.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	476.622.682.294	275.600.822.480
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(448.323.152.072)	(261.623.707.896)
4. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(7.184.787.792)	(5.130.000.296)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(27.080.923.277)	(28.950.035.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.966.180.847)	11.023.678.788
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(167.487.974.174)	(32.386.145.677)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	312.101.990.052	101.016.113.926
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(77.408.961)	192.098.322
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	144.536.606.917	68.822.066.571

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

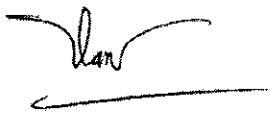


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

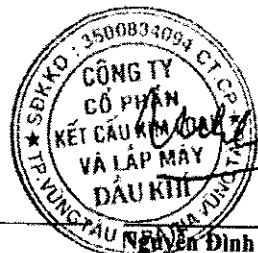
Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 2.531.247.699 VND (từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013: 0 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Đào Thị Hải Vân  
Người lập biểu



Nguyễn Đức Đạt  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thế  
Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3500834094, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 25 tháng 11 năm 2013.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND, được chia thành 50.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có các chi nhánh sau:

- Xí nghiệp Xây lắp 1
- Xí nghiệp Xây lắp 2
- Xí nghiệp Xây lắp 3
- Xí nghiệp Dịch vụ Cảng
- Trung tâm Thiết kế và Triển khai Dự án.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 1.650 (31 tháng 12 năm 2013: 1.597).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đào tạo nâng cao cán bộ công nhân kỹ thuật chuyên ngành;
- Kinh doanh bất động sản; đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo ống thép, nhà máy chế tạo cơ khí, thiết bị phục vụ ngành dầu khí; đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển; đầu tư xây dựng các khu công nghiệp; kinh doanh văn phòng nhà ở;
- Sản xuất thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Khảo sát, thiết kế, chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế cơ khí công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình dầu khí (ngoài khơi và trên đất liền); xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cảng sông, cảng biển; xây dựng đô thị;
- Đóng tàu, đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; chế tạo và cung cấp các loại ống thép, ống nối, khớp nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong công nghiệp, lắp đặt các đường dây tải điện, các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp;
- Lập thẩm tra báo cáo đầu tư dự án, đầu tư xây dựng công trình; lập tổng dự toán, dự toán các công trình, lập thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình dầu khí, dân dụng, công nghiệp; quản lý dự án; quản lý chất lượng xây dựng công trình; tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình; khảo sát địa hình, địa chất công trình; thẩm tra tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Bốc xếp hàng hóa tại cảng sông, cảng biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Mua bán xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan; mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;
- Kinh doanh và cho thuê văn phòng làm việc;
- Kinh doanh cho thuê kho tàng, nhà xưởng;
- Kinh doanh cho thuê phương tiện vận tải;
- Giám sát các công tác lắp đặt thiết bị công trình công nghiệp; giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và TBA đến 35KV.

Hoạt động chính của Công ty là khảo sát, thiết kế và xây dựng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, cầm cố, ký quỹ, ký cược và đầu tư ngắn hạn.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay, các khoản nợ thuê tài chính và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty, cụ thể như sau:

	<u>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	Số năm
Máy móc, thiết bị	7 - 15
Phương tiện vận tải	5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty có quyền sử dụng 1.218 m<sup>2</sup> đất vô thời hạn và 307,6 m<sup>2</sup> đất với thời hạn sử dụng là 34 năm tại ấp Gò Lức, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang và 3.570,9 m<sup>2</sup> đất với thời hạn sử dụng là 32 năm tại số 2, Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là phần diện tích sàn tầng 1 của công trình Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2, Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Tại các kỳ hoạt động tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê hạ tầng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình với số tiền 107.135.643.174 VND, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản: Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

10/01/2014  
KẾ TOÁN  
ĐIỀU HÀNH

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	781.896.733	1.338.446.647
Tiền gửi ngân hàng	73.254.710.184	117.763.543.405
Các khoản tương đương tiền (*)	70.500.000.000	193.000.000.000
	<u>144.536.606.917</u>	<u>312.101.990.052</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản đầu tư sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	5.000.000.000	5.000.000.000
	<u>5.050.000.000</u>	<u>5.050.000.000</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.298.005.669)	(1.874.218.287)
	<u>2.751.994.331</u>	<u>3.175.781.713</u>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	78.814.372.008	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	7.633.095.984	17.946.463.362
Công ty TNHH Mepcom Offshore & Marine	1.111.625.700	10.921.885.679
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	496.735.295	565.419.987
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	225.000.000	226.870.359
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	200.156.144	200.156.144
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2	-	5.916.929.319
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	-	3.117.157.536
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	1.607.754.149
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	-	409.788.220
<b>Phải thu khách hàng khác</b>		
Ban Quản lý Dự án Công trình DK I	92.541.749.512	-
Công ty TNHH Petronas Carigali Việt Nam	55.586.049.229	146.977.960.063
Phải thu các cá nhân mua căn hộ chung cư (*)	31.809.908.046	33.519.472.218
Liên doanh Việt - Nga Vietsopectro	25.704.185.687	16.890.689.175
Công ty Cổ phần Cung cấp Dịch vụ Phương tiện nổi F.V.S	14.076.080.978	5.609.886.486
Ban Quản lý dự án 5B - Cảng xuất Sản phẩm Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	3.658.243.771	3.658.243.771
Các đối tượng khác	2.162.354.273	2.785.667.613
	<u>314.019.556.627</u>	<u>250.354.344.081</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)**

- (\*) Phải thu các cá nhân mua căn hộ chung cư nằm trong Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2, Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền tương đương khoảng 30% giá trị hợp đồng mua bán và thời hạn thanh toán trong vòng tối đa 3 năm. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng về các khoản phải thu này sẽ được thu hồi theo đúng thời hạn.

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng của tài sản thuê tài chính	1.324.687.283	555.279.309
Lãi tiền gửi dự thu	218.366.667	101.388.884
Ứng trước cho Công ty Cho thuê Tài chính Việt Nam	-	2.551.890.000
Các khoản phải thu khác	2.656.210.053	1.738.566.985
	<u>4.199.264.003</u>	<u>4.947.125.178</u>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.807.094.523	1.283.405.706
Công cụ, dụng cụ	2.755.406.848	3.322.013.449
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	166.287.875.562	82.274.236.513
Hàng hóa bất động sản (*)	11.950.599.612	11.793.041.532
<b>Cộng</b>	<b>188.800.976.545</b>	<b>98.672.697.200</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(51.765.258)	(51.765.258)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b><u>188.749.211.287</u></b>	<b><u>98.620.931.942</u></b>

- (\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, số dư hàng hóa bất động sản phản ánh nguyên giá của các căn hộ chung cư chờ bán nằm trong Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2, Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá dựa trên giá trị thị trường của các sản phẩm căn hộ tương đương và khẳng định rằng, ngoài số tiền 51.765.258 VND đã trích lập dự phòng giảm giá các căn hộ chung cư, Công ty không cần phải trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	1.728.580.794	1.413.403.288
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.000.000	4.000.000
	<u>1.735.580.794</u>	<u>1.417.403.288</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	621.521.388.208	130.193.086.303	54.499.527.086	9.090.757.078	815.304.758.675
Đầu tư, mua sắm mới trong kỳ	182.500.000	-	9.401.061.818	1.618.255.350	11.201.817.168
Đầu tư XD/CB hoàn thành	18.541.127.663	-	-	-	18.541.127.663
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(5.934.491.758)	-	-	-	(5.934.491.758)
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b>634.310.524.113</b>	<b>130.193.086.303</b>	<b>63.900.588.904</b>	<b>10.709.012.428</b>	<b>839.113.211.748</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	51.277.404.243	54.138.956.888	31.911.786.641	6.484.708.210	143.812.855.982
Khấu hao trong kỳ	13.164.922.019	5.146.142.147	4.266.511.960	1.331.334.446	23.908.910.572
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(487.817.787)	-	-	-	(487.817.787)
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b>63.954.508.475</b>	<b>59.285.099.035</b>	<b>36.178.298.601</b>	<b>7.816.042.656</b>	<b>167.233.948.767</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2014	<b>570.356.015.638</b>	<b>70.907.987.268</b>	<b>27.722.290.303</b>	<b>2.892.969.772</b>	<b>671.879.262.981</b>
Tại ngày 31/12/2013	<b>570.243.983.965</b>	<b>76.054.129.415</b>	<b>22.587.740.445</b>	<b>2.606.048.868</b>	<b>671.491.902.693</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 40.994.278.788 VND (31 tháng 12 năm 2013: 27.954.993.411 VND).

Như trình bày ở Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp công trình Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2, Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 77.959.696.128 VND; công trình bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại Sao Mai Bến Đình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 465.275.228.064 VND và phương tiện vận tải, máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 85.083.781.193 VND để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	4.431.652.010	39.119.879.670	43.551.531.680
Thuê tài chính trong kỳ	11.554.249.953	-	11.554.249.953
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b>15.985.901.963</b>	<b>39.119.879.670</b>	<b>55.105.781.633</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	568.916.279	7.436.655.743	8.005.572.022
Khấu hao trong kỳ	684.766.149	1.887.561.929	2.572.328.078
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b>1.253.682.428</b>	<b>9.324.217.672</b>	<b>10.577.900.100</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2014	<b>14.732.219.535</b>	<b>29.795.661.998</b>	<b>44.527.881.533</b>
Tại ngày 31/12/2013	<b>3.862.735.731</b>	<b>31.683.223.927</b>	<b>35.545.959.658</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	16.244.034.715	9.612.755.547	25.856.790.262
Mua sắm mới trong kỳ	-	672.379.355	672.379.355
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b>16.244.034.715</b>	<b>10.285.134.902</b>	<b>26.529.169.617</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	1.817.057.662	4.110.247.196	5.927.304.858
Khấu hao trong kỳ	234.284.457	1.669.437.951	1.903.722.408
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b>2.051.342.119</b>	<b>5.779.685.147</b>	<b>7.831.027.266</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2014	<b>14.192.692.596</b>	<b>4.505.449.755</b>	<b>18.698.142.351</b>
Tại ngày 31/12/2013	<b>14.426.977.053</b>	<b>5.502.508.351</b>	<b>19.929.485.404</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 468.182.777 VND (31 tháng 12 năm 2013: 0 VND).

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 2, Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 13.144.274.000 VND (31 tháng 12 năm 2013: 13.375.345.638 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 phản ánh các chi phí đầu tư công trình "Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí tại Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình - Giai đoạn 2".

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	-	-
Tăng do chuyển từ tài sản cố định hữu hình	5.934.491.758	5.934.491.758
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b>5.934.491.758</b>	<b>5.934.491.758</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	-	-
Tăng do chuyển từ tài sản cố định hữu hình	487.817.787	487.817.787
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b>487.817.787</b>	<b>487.817.787</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 30/6/2014	<b>5.446.673.971</b>	<b>5.446.673.971</b>
Tại ngày 31/12/2013	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	99.914.599.902	100.960.826.076
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	33.295.840.736	25.035.563.310
	<u>133.210.440.638</u>	<u>125.996.389.386</u>

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>87.660.733.145</b>	<b>49.854.011.402</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	81.449.325.661	49.854.011.402
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	6.211.407.484	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 20)</b>	<b>57.779.394.053</b>	<b>214.150.271.775</b>
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 20)</b>	<b>11.423.074.748</b>	<b>8.821.839.382</b>
	<u>156.863.201.946</u>	<u>272.826.122.559</u>

Số dư vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm các khoản vay sau:

- (i) Tại ngày 31 tháng 7 năm 2013, Công ty ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 388.13.551.936443/2013/TD-MB-VTA với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) - Chi nhánh Vũng Tàu với hạn mức 250.000.000.000 VND gồm toàn bộ dư nợ ngắn hạn, dư cam kết L/C, bảo lãnh. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C phục vụ hoạt động thi công xây lắp giai đoạn 2013-2014. Thời gian cho vay tối đa 06 tháng cho mỗi khế ước nhận nợ. Lãi suất là lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo quy định của MB theo từng thời kỳ và được quy định trong từng khế ước nhận nợ và trả lãi vào ngày 14 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi các khoản phải thu phát sinh từ công trình MB thực hiện tài trợ.
- (ii) Tại ngày 26 tháng 6 năm 2014, Công ty được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (LPB) - Chi nhánh Vũng Tàu đồng ý cấp hạn mức tín dụng 200.000.000.000 VND. Hạn mức này bao gồm toàn bộ dư nợ vay và số dư bảo lãnh của Công ty tại LPB Vũng Tàu theo Hợp đồng số 085-13/HĐHMTD-LPBVT ngày 04 tháng 6 năm 2013 và Hợp đồng số 011-13/HĐCBL/LienvietpostbankVT ngày 04 tháng 6 năm 2013 chuyển sang. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng tối đa không quá 15 tháng kể từ ngày Hội đồng tín dụng ký thông báo phê duyệt. Thời hạn cấp tín dụng đối với cho vay là tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân đối với mỗi khế ước nhận nợ, đối với từng khoản bảo lãnh là theo nhu cầu thực tế phát sinh của khách hàng nhưng tối đa không quá 12 tháng, ký quỹ 0%. Lãi suất và các loại phí theo quy định của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt từng thời kỳ. Khoản cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2014
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	14.004.920.705	29.245.775.484	21.800.220.161	21.450.476.028
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	3.228.995.611	3.228.995.611	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.332.462.026	17.396.879.803	15.119.666.389	9.609.675.440
Thuế thu nhập cá nhân	636.810.509	6.363.047.783	6.440.040.220	559.818.072
Tiền thuế đất	-	255.822	255.822	-
Thuế môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-
Thuế nhập khẩu	-	781.369.179	781.369.179	-
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	958.988.045	1.737.408.726	2.046.362.699	650.034.072
<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	<i>491.788.741</i>	<i>890.466.014</i>	<i>1.048.903.949</i>	<i>333.350.806</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>467.199.304</i>	<i>845.942.712</i>	<i>996.458.750</i>	<i>316.683.266</i>
<i>Thuế môn bài</i>	<i>-</i>	<i>1.000.000</i>	<i>1.000.000</i>	<i>-</i>
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	4.200.000	-	4.200.000
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>22.933.181.285</b>	<b>58.765.932.408</b>	<b>49.424.910.081</b>	<b>32.274.203.612</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí trích trước của các công trình xây lắp do Công ty thực hiện	57.895.701.813	25.381.756.737
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	119.777.791	8.259.492.063
Phí bản quyền phải trả	-	2.216.564.699
	<b>58.015.479.604</b>	<b>35.857.813.499</b>

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	34.806.620	49.369.120
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	2.700.785.149	183.214.669
Thuế giá trị gia tăng hàng bán tạm xác định	280.350.177	280.350.177
Kinh phí công đoàn	413.344.169	257.474.863
Phải trả khác	1.449.365.413	480.450.156
	<b>4.878.651.528</b>	<b>1.250.858.985</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>VAY DÀI HẠN</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	-	160.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (ii)	302.300.000.000	153.200.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (iii)	36.000.011.000	44.000.009.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (iv)	8.000.000.000	15.800.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (v)	7.496.951.990	3.001.119.100
<b>Cộng</b>	<u><b>353.796.962.990</b></u>	<u><b>376.001.128.100</b></u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>57.779.394.053</u>	<u>214.150.271.775</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>296.017.568.937</b></u>	<u><b>161.850.856.325</b></u>
<b>NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN</b>		
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (vi)	27.221.893.138	21.709.707.341
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>11.423.074.748</u>	<u>8.821.839.382</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>15.798.818.390</b></u>	<u><b>12.887.867.959</b></u>
<b>TỔNG CỘNG VAY VÀ NỢ DÀI HẠN</b>	<u><b>311.816.387.327</b></u>	<u><b>174.738.724.284</b></u>

**Vay dài hạn:**

- (i) Tại ngày 26 tháng 6 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 083/HĐTD1-OCEANBANK.790-PVCMs với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức vay là 480.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay tối đa không quá 3 năm. Khoản vay được sử dụng để thực hiện đầu tư dự án xây dựng bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí Sao Mai - Bến Đình và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã tắt toán khoản vay dài hạn này.
- (ii) Tại ngày 28 tháng 12 năm 2012, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 231/HĐTD-LPBĐĐ với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt với hạn mức vay 480.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 03 tháng/lần, thời hạn vay trong 72 tháng và được đảm bảo bởi bảo lãnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Khoản vay được sử dụng để tái tài trợ dự án xây dựng bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí Sao Mai - Bến Đình - giai đoạn 2.
- (iii) Tại ngày 30 tháng 7 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 0199/HĐTD2-VIB622/10 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (VIB), với hạn mức vay là 80.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng để đầu tư Dự án Khu phức hợp chung cư văn phòng cho thuê tại số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và áp dụng tại thời điểm giải ngân, quy định trên từng khế ước vay, thời hạn vay trong 6 năm. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là công trình Khu phức hợp chung cư và cao ốc văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu để thế chấp cho khoản vay này và duy trì số dư tiền gửi thanh toán tại VIB với số tiền là 10.000.000.000 VND trong suốt thời hạn của khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

**Vay dài hạn (Tiếp theo):**

- (iv) Tại ngày 03 tháng 11 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 264/11/HĐTDTH/DH với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức vay 47.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng để mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và/hoặc được qui định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 03 tháng/lần, thời hạn vay trong 36 tháng. Công ty sử dụng 2 xe cầu bánh xích để thế chấp cho khoản vay này.
- (v) Ngày 26 tháng 9 năm 2013, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 489.13.551.936443.TD với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) - Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức 31.423.000.000 VND, thời hạn vay trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được sử dụng để thanh toán các chi phí mua sắm máy móc thiết bị thực hiện dự án "Nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2013" và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của Khoản vay có liên quan. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân theo quy định của Ngân hàng TMCP Quân đội và được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân của khoản vay. Công ty sử dụng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ phương án MB tài trợ hoặc các tài sản khác theo quy định của MB để thế chấp cho khoản vay này (Dây chuyền phun bi, Máy chấn tôn 1.200 T, Xe nâng 20T, Máy hàn tiện 6 kim, Máy hàn Tig xách tay, Máy phun sơn, Máy toàn đạc điện tử, Máy hàn Fluxxore/Tig/DC, Xe bồn cầu chuyên dụng, Máy phun hạt làm sạch mỗi hàn, Máy nén khí và các Thiết bị khác).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	57.779.394.053	214.150.271.775
Trong năm thứ hai	60.432.926.220	43.398.243.562
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	<u>235.584.642.717</u>	<u>118.452.612.763</u>
	<b>353.796.962.990</b>	<b>376.001.128.100</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	57.779.394.053	214.150.271.775
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>296.017.568.937</b></u>	<u><b>161.850.856.325</b></u>

**Nợ thuê tài chính dài hạn:**

- (vi) Thuê tài chính dài hạn thể hiện các khoản nợ thuê 07 xe ôtô, 01 xe cầu, 01 trạm hàn và 01 dây chuyền phun bi dài hạn của Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam. Công ty trả trước cho Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 1% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê tạm thời (trong thời gian chưa bắt đầu thanh toán tiền thuê) cụ thể theo từng hợp đồng thuê (từ 16,5%/năm đến 17,5%/năm). Sau đó, lãi suất cho thuê bằng 2,5%/năm cộng (+) lãi suất cơ bản là lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ, áp dụng cho khách hàng cá nhân của ba ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Sở Giao dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sở Giao dịch. Thời hạn cho thuê đối với 07 ô tô là 60 tháng, thời hạn cho thuê đối với xe cầu là 48 tháng, thời hạn cho thuê đối với trạm hàn là 36 tháng, thời hạn cho thuê đối với dây chuyền phun bi là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản nợ thuế tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	11.423.074.748	8.821.839.382
Trong năm thứ hai	6.562.137.374	8.954.287.313
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	9.236.681.016	3.933.580.646
	<u>27.221.893.138</u>	<u>21.709.707.341</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	11.423.074.748	8.821.839.382
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>15.798.818.390</u></b>	<b><u>12.887.867.959</u></b>

**21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, doanh thu chưa thực hiện chủ yếu phản ánh khoản doanh thu cung cấp dịch vụ chưa ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh với số tiền khoảng 7,9 tỷ VND theo Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ căn cứ hậu mãi tại bãi cảng Sao Mai Bến Đình số 150-2013/PVC-MS/FVS-HDDV ngày 20 tháng 7 năm 2013 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Cung cấp Dịch vụ Phương tiện nổi F.V.S. Công ty phân bổ doanh thu chưa thực hiện này trong thời gian cung cấp dịch vụ, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013	375.180.010.000	42.542.390.789	10.635.597.697	50.298.686.560	478.656.685.046
Nhận vốn góp từ các cổ đông	124.819.990.000	-	-	-	124.819.990.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	75.946.101.769	75.946.101.769
Phân phối quỹ	-	13.485.968.974	3.371.492.244	(16.857.461.218)	-
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	(20.315.330.500)	(20.315.330.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.742.984.488)	(6.742.984.488)
Tạm chia cổ tức năm 2013 (*)	-	-	-	(30.472.995.750)	(30.472.995.750)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>500.000.000.000</u>	<u>56.028.359.763</u>	<u>14.007.089.941</u>	<u>51.856.016.373</u>	<u>621.891.466.077</u>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	61.349.103.872	61.349.103.872
Phân phối quỹ (*)	-	7.594.610.177	3.797.305.088	(11.391.915.265)	-
Chia cổ tức năm 2013 (*)	-	-	-	(27.500.000.000)	(27.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(6.075.688.141)	(6.075.688.141)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u>500.000.000.000</u>	<u>63.622.969.940</u>	<u>17.804.395.029</u>	<u>68.237.516.839</u>	<u>649.664.881.808</u>

(\*) Theo Nghị quyết số 84/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận và chia cổ tức năm 2013 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển:	7.594.610.177 VND;
- Trích quỹ dự phòng tài chính:	3.797.305.088 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	6.075.688.141 VND;
- Chia cổ tức năm 2013:	57.972.995.750 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Trong năm 2013, Công ty đã tạm chia cổ tức theo tỷ lệ 7,5% vốn điều lệ (406.306.610.000 VND) với số tiền là 30.472.995.750 VND. Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện chia cổ tức còn lại của năm 2013 cho các cổ đông với số tiền là 27.500.000.000 VND.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ chín ngày 25 tháng 11 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	254.871.110.000	51	254.871.110.000	254.871.110.000
Công ty TNHH Mepcom Offshore & Marine (*)	50.000.000.000	10	50.000.000.000	50.000.000.000
Các cổ đông khác	195.128.890.000	39	195.128.890.000	195.128.890.000
	<b>500.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>500.000.000.000</b>

(\*) Ngày 02 tháng 4 năm 2014, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ban hành Quyết định số 2703/VSD-NCPT chứng nhận về việc thay đổi thông tin nhà đầu tư của Công ty từ tên cũ là Mepcom Offshore & Marine Pte. Ltd. (địa chỉ cũ tại 11 Tuas South Avenue Singapore 637361) sang tên mới là Mepcom Offshore & Marine Pte. Ltd. (địa chỉ mới tại 24 Sin Ming Lane #07-93 Midview City Singapore (573970)). Việc thay đổi thông tin nhà đầu tư như trên có hiệu lực từ ngày 02 tháng 4 năm 2014.

**Cổ phiếu**

	30/6/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	855.159.546.355	364.511.983.580
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	5.177.453.495
Doanh thu bán vật tư	-	4.259.813.076
Doanh thu hoạt động khác	25.034.883.786	4.478.651.540
	<b>880.194.430.141</b>	<b>378.427.901.691</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	730.586.765.519	281.438.994.052
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	5.177.453.495
Giá vốn bán vật tư	-	4.037.978.188
Giá vốn hoạt động khác	16.988.949.268	5.500.991.252
	<b>747.575.714.787</b>	<b>296.155.416.987</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	5.473.801.263	2.361.868.352
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	92.208.101	271.429.570
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	156.116.348	236.089.185
	<b>5.722.125.712</b>	<b>2.869.387.107</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	22.728.961.790	36.871.514.036
Dự phòng đầu tư tài chính	423.787.382	-
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	351.582.033	394.681.533
	<b>23.504.331.205</b>	<b>37.266.195.569</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí thầu phụ	178.769.329.221	25.464.283.514
Chi phí nhân công	233.228.609.574	123.964.472.115
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	306.461.307.432	114.436.484.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.562.326.779	25.814.229.701
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.384.961.058	26.825.090.606
Chi phí khác bằng tiền	21.161.231.845	13.003.892.060
	<b>867.567.765.909</b>	<b>329.508.452.452</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. (LỖ) KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.214.006.126</b>	<b>245.346.294</b>
Hoàn nhập chi phí bảo hành	-	40.769.539
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	714.109.440	-
Thu từ thanh lý vật tư	50.825.455	-
Thu nhập từ nhà ăn canteen bãi cảng	1.006.209.091	-
Thu nhập khác	442.862.140	204.576.755
<b>Chi phí khác</b>	<b>2.416.004.328</b>	<b>531.397.091</b>
Chi phí phân bổ từ các ban điều hành	-	182.797.223
Khấu hao tài sản cố định chưa cần dùng	-	139.028.665
Chi phí dịch vụ chung cư	68.482.241	-
Giá trị xuất kho của vật tư đã thanh lý	193.905.542	-
Chi phí nhà ăn canteen bãi cảng	1.669.424.850	-
Chi phí xây dựng cơ bản bị xuất toán	-	96.552.079
Chi phí khác	484.191.695	113.019.124
<b>(Lỗ) khác</b>	<b>(201.998.202)</b>	<b>(286.050.797)</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>78.745.983.675</b>	<b>21.063.551.327</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	330.742.706	392.470.466
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>330.742.706</i>	<i>392.470.466</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>79.076.726.381</b>	<b>21.456.021.793</b>
Thuế suất thông thường	22%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>17.396.879.803</b>	<b>5.364.005.448</b>

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	61.349.103.872	15.699.545.879
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	50.000.000	37.604.464
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>1.227</b>	<b>417</b>

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	468.679.589.273	447.564.846.843
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	144.536.606.917	312.101.990.052
Nợ thuần	324.142.982.356	135.462.856.791
Vốn chủ sở hữu	649.664.881.808	621.891.466.077
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,50</b>	<b>0,22</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.536.606.917	312.101.990.052
Phải thu khách hàng và phải thu khác	309.464.034.718	245.645.218.431
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược	5.634.857.000	5.631.857.000
Đầu tư ngắn hạn	2.751.994.331	3.175.781.713
<b>Tổng cộng</b>	<b>462.387.492.966</b>	<b>566.554.847.196</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	441.457.696.135	425.855.139.502
Phải trả người bán và phải trả khác	219.655.773.432	124.337.811.605
Chi phí phải trả	58.015.479.604	35.857.813.499
Nợ thuê tài chính	27.221.893.138	21.709.707.341
<b>Tổng cộng</b>	<b>746.350.842.309</b>	<b>607.760.471.947</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	17.620.572.396	49.690.181.514	3.385.808.904	23.540.148.892
Bảng Anh (GBP)	927.865.994	-	-	-
Euro (EUR)	-	3.687.581.313	-	-

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ, đồng Bảng Anh và đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(1.423.476.349)	(2.615.003.262)
Bảng Anh (GBP)	(92.786.599)	-
Euro (EUR)	-	(368.758.131)

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay và cho thuê tài chính với lãi suất thả nổi tăng/(giảm) 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ (giảm)/tăng tương ứng như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
		VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014		
VND	+ 200	(9.373.591.785)
VND	- 200	9.373.591.785
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	+ 200	(5.751.296.937)
VND	- 200	5.751.296.937

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan hoặc các khách hàng lớn như trình bày tại Thuyết minh số 34.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>30/6/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.536.606.917	-	144.536.606.917
Phải thu khách hàng và phải thu khác	309.464.034.718	-	309.464.034.718
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	7.000.000	5.627.857.000	5.634.857.000
Đầu tư ngắn hạn	2.751.994.331	-	2.751.994.331
<b>Tổng cộng</b>	<b>456.759.635.966</b>	<b>5.627.857.000</b>	<b>462.387.492.966</b>
<b>30/6/2014</b>			
Các khoản vay	145.440.127.198	296.017.568.937	441.457.696.135
Phải trả người bán và phải trả khác	219.655.773.432	-	219.655.773.432
Chi phí phải trả	58.015.479.604	-	58.015.479.604
Nợ thuê tài chính	11.423.074.748	15.798.818.390	27.221.893.138
<b>Tổng cộng</b>	<b>434.534.454.982</b>	<b>311.816.387.327</b>	<b>746.350.842.309</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>22.225.180.984</b>	<b>(306.188.530.327)</b>	<b>(283.963.349.343)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	312.101.990.052	-	312.101.990.052
Phải thu khách hàng và phải thu khác	245.645.218.431	-	245.645.218.431
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	4.000.000	5.627.857.000	5.631.857.000
Đầu tư ngắn hạn	3.175.781.713	-	3.175.781.713
<b>Tổng cộng</b>	<b>560.926.990.196</b>	<b>5.627.857.000</b>	<b>566.554.847.196</b>
<b>31/12/2013</b>			
Các khoản vay	264.004.283.177	161.850.856.325	425.855.139.502
Phải trả người bán và phải trả khác	124.337.811.605	-	124.337.811.605
Chi phí phải trả	35.857.813.499	-	35.857.813.499
Nợ thuê tài chính	8.821.839.382	12.887.867.959	21.709.707.341
<b>Tổng cộng</b>	<b>433.021.747.663</b>	<b>174.738.724.284</b>	<b>607.760.471.947</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>127.905.242.533</b>	<b>(169.110.867.284)</b>	<b>(41.205.624.751)</b>

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**32. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp. Trong kỳ, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 liên quan đến hoạt động xây lắp. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 23 và số 24.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

**33. CAM KẾT VAY**

Tại ngày 06 tháng 01 năm 2014, Công ty ký Hợp đồng hạn mức cho vay số 02/2014/HĐHM-PVB-BRVT.HCTD với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu với hạn mức tín dụng 50.000.000.000 VND (hoặc USD quy đổi tương đương). Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2013-2014. Đồng tiền cho vay là Đồng Việt Nam hoặc USD được quy đổi tương đương theo tỷ giá niêm yết của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu tại thời điểm Công ty rút vốn. Thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hoặc một ngày sớm hơn khi Hạn mức Tín dụng bị hủy bỏ hoặc chấm dứt theo quy định tại hợp đồng. Thời hạn với từng khoản vay là tối đa 05 tháng kể từ ngày giải ngân và được ghi cụ thể trên từng khế ước nhận nợ. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Lãi suất được xác định theo thông báo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu tại thời điểm giải ngân khoản vay và được ghi cụ thể trên từng khế ước nhận nợ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty không có số dư khoản vay này nhưng vẫn đang trong thời gian sử dụng hạn mức tín dụng nêu trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ:

**Cổ đông lớn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)

Công ty TNHH Mepcom Offshore & Marine

**Các đơn vị cùng chủ sở hữu (PVC)**

Ban Điều hành Dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung

Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí

Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam

**Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chủ sở hữu của PVC)**

Tổng Công ty Dầu Việt Nam

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu

Trường Cao đẳng nghề Dầu khí

**Các đơn vị trong Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (cùng chủ sở hữu với PVC)**

Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - Chi nhánh Vũng Tàu

**Các đơn vị trong Tổng Công ty Dầu Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu

Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ

Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil

**Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty cảng dịch vụ dầu khí

**Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (cùng chủ sở hữu với PVC)**

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Cấu kiện STST Petrosetco-Ale

Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển PVD

Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC

**Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (cùng chủ sở hữu với PVC)**

Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí

**Các đơn vị trong Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (cùng chủ sở hữu với PVC)**

Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông

**Các đơn vị trong Công ty Cổ phần PVI (cùng chủ sở hữu với PVC)**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí hàng hải PTSC	71.649.429.099	2.570.327.827
Công ty TNHH Mepcom Offshore & Marine	6.839.383.685	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	451.577.541	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	-	7.116.268.658
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	82.730.553.425	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	45.517.093.018	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí	24.852.376.539	6.630.646.239
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Cấu kiện STST Petrosetco-Ale	16.890.464.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	14.840.749.184	9.534.544
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	14.728.351.034	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	8.444.161.596	3.149.667.163
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển PVD	6.731.632.782	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	3.249.423.000	268.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	3.155.504.154	883.947.020
Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông	1.413.080.212	867.634.937
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI - Chi nhánh Vũng Tàu	1.457.762.035	816.030.562
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	1.739.113.251	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty cảng dịch vụ dầu khí	1.177.344.307	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	586.260.874	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - Chi nhánh Vũng Tàu	450.619.180	-
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	147.868.350	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	143.340.331	25.064.122
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	83.400.000	2.936.761.830
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	-	296.080.000
<b>Chi phí lãi vay</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	199.138.742	556.272.815
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>	2.378.177.000	1.806.461.500
<b>Cổ tức đã trả cho các cổ đông</b>	27.080.923.277	28.950.035.500

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	78.814.372.008	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	7.633.095.984	17.946.463.362
Công ty TNHH Mepcom Offshore & Marine	1.111.625.700	10.921.885.679
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	496.735.295	565.419.987
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	225.000.000	226.870.359
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	200.156.144	200.156.144
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2	-	5.916.929.319
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	-	3.117.157.536
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	1.607.754.149
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	-	409.788.220
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí	574.727.219	-
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	84.080.208.770	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5.258.422.218	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	2.926.033.000	208.378.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	1.834.581.214	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	1.609.529.901	1.107.404.250
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty cảng dịch vụ dầu khí	1.239.417.562	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông	722.938.086	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	522.008.095	2.852.950.247
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	157.674.364	-
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	147.300.000	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - Chi nhánh Vũng Tàu	127.948.979	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Cầu kiện STST Petrosetco-Ale	70.910.400	-
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	49.578.606	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí	-	4.288.587.961
<b>Cổ tức phải trả cho các cổ đông</b>		
Các cổ đông khác	34.806.620	49.369.120

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**  
Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thảng Nhất, thành phố Vũng Tàu  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014  
đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

**36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

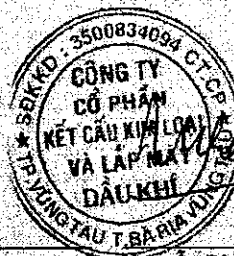
Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Đào Thị Hải Vân  
Người lập biểu

Ngày 08 tháng 8 năm 2014

Nguyễn Đức Đạt  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thế  
Giám đốc